|  |  |
| --- | --- |
| Ngày soạn: | Ngày dạy: |

|  |  |
| --- | --- |
| Tiết theo KHDH: |  |

**BÀI 12 : LUYỆN TẬP CHUNG**

Thời gian thực hiện: (01 tiết)

**I. Mục tiêu WCD644**

**1. Về kiến thức:**

Ôn tập và củng cố:

- Phân tích một số ra thừa số nguyên tố.

- Tìm được  và 

- Vận dụng được việc tìm  vàvào giải quyết một số bài toán về phân số.

- Vận dụng được việc tìm ,của hai hay ba số giải quyết một số bài toán thực tiễn.

**2. Về năng lực:**

\* Năng lực chung:

- Năng lực tự học: HS tự hoàn thành được các nhiệm vụ học tập chuẩn bị ở nhà và tại lớp.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: HS phân công được nhiệm vụ trong nhóm, biết hỗ trợ nhau, trao đổi, thảo luận, thống nhất được ý kiến trong nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

\* Năng lực đặc thù:

- Năng lực giao tiếp toán học: HS phát biểu quy tắc tìm ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số; Tìm ước chung thông qua ước chung lớn nhất, tìm bội chung thông qua bội chung nhỏ nhất.

- Năng lực tư duy và lập luận toán học, năng lực giải quyết vấn đề toán học, năng lực mô hình hóa toán học: thực hiện được các thao tác tư duy so sánh, phân tích, tổng hợp, khái quát hóa, … để hệ thống lại khái niệm và quy tắc tìm ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số bằng cách phân tích các số ra thừa số nguyên tố; vận dụng các kiến thức trên để giải các bài tập về bội chung, bội chung nhỏ nhất của hai hay nhiều số; quy đồng mẫu nhiều phân số; giải một số bài tập có nội dung gắn với thực tiễn ở mức độ đơn giản.

**3. Về phẩm chất:**

- Chăm chỉ: thực hiện đầy đủ các hoạt động học tập một cách tự giác, tích cực.

- Trung thực: thật thà, thẳng thắn trong báo cáo kết quả hoạt động cá nhân và theo nhóm, trong đánh giá và tự đánh giá.

- Trách nhiệm: hoàn thành đầy đủ, có chất lượng các nhiệm vụ học tập.

**II. Thiết bị dạy học và học liệu**

**1. Giáo viên:** SGK, kế hoạch bài dạy, thước thẳng, bảng phụ hoặc máy chiếu.

**2. Học sinh:** SGK, thước thẳng, bảng nhóm.

**III. Tiến trình dạy học**

**1. Hoạt động 1: Luyện tập** (40 phút)

**a) Mục tiêu:** HS vận dụng được quy tắc tìm ước chung lớn nhất và bội chung nhỏ nhất làm các bài tập về tìm ,, một số bài toán về phân số và các bài toán thực tế.

**b) Nội dung:** Làm các bài tập từ 2.45 đến 2.52 SGK trang 55.

**c) Sản phẩm:** Lời giải các bài tập từ 2.45 đến 2.52 SGK trang 55.

**d) Tổ chức thực hiện:**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của GV và HS** | **Nội dung** |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 1:**  - Lập bảng so sánh quy tắc tìm và  .  - Tham khảo các Ví dụ 1, 2 SGK trang 54.  - Làm bài tập: 2.45 SGK trang 55.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 1:**  - HS lập bảng so sánh quy tắc tìm  và  theo cặp đôi.  - HS thực hiện tham khảo ví dụ theo cá nhân.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 2.45: So sánh kết quả  và tích , từ đó rút ra kết luận.  **\* Báo cáo, thảo luận 1:**  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng đại diện nhóm nhanh nhất trình bày so sánh quy tắc tìm  và .  - GV yêu cầu cả lớp tham khảo các ví dụ 1, 2 SGK trang 54.  - GV yêu cầu lần lượt từng em HS lên bảng thực hiện bài 2.45 SGK trang 55.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 1:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS.  - GV cùng HS khái quát công thức:    **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 2:**  - Phát biểu quy tắc rút gọn phân số.  - Phát biểu quy tắc quy đồng mẫu các phân số.  - Phát biểu quy tắc cộng, trừ hai phân số cùng mẫu số.  - Phát biểu quy tắc cộng, trừ hai phân số không cùng mẫu số.  - Hoạt động cặp đôi làm bài tập 2.47 SGK trang 55 và bài tập 2.49 SGK trang 55.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 2:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 2.47: Dựa vào định nghĩa phân số  tối giản khi và chỉ khi  rút ra kết luận các phân số đã cho tối giản hay chưa.  **\* Báo cáo, thảo luận 2:**  - GV yêu cầu vài HS phát biểu quy tắc quy đồng mẫu các phân số và quy tắc cộng, trừ hai phân số cùng mẫu số, không cùng mẫu.  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 2:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **1. Kiến thức cần nhớ**  Quy tắc tìm  Quy tắc tìm   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Bước |  |  | | 1 | Phân tích mỗi số ra thừa số nguyên tố | | | 2 | Chọn ra các thừa số nguyên tố ***chung*** | Chọn ra các thừa số nguyên tố ***chung và riêng*** | | 3 | Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ ***nhỏ nhất***. Tích đó là | Lập tích các thừa số đã chọn, mỗi thừa số lấy với số mũ ***lớn nhất.*** Tích đó là |   **2. Bài tập.**  **Dạng 1 : Tìm** **,**  **:**  **- Ví dụ 1 SGK trang 54**  Tìm  của 60 và 90  **- Ví dụ 2 SGK trang 54**  Tìm số tự nhiên a lớn nhất sao cho  và  **Bài tập 2.45 SGK trang 55**   |  |  |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | --- | --- | | a | 9 | 34 | 120 | 15 | 2987 | | b | 12 | 51 | 70 | 28 | 1 | |  | 3 | 17 | 10 | 1 | 1 | | BCNN(a,b) | 36 | 102 | 840 | 420 | 2987 | |  | 108 | 1734 | 8400 | 420 | 2987 | | a.b | 108 | 1734 | 8400 | 420 | 2987 |   - Kết luận :    **Dạng 2: Ứng dụng vào rút gọn phân số và thực hiện các phép toán với phân số:**  **Bài tập 2.47 SGK trang 55**  Lời giải :  a)  là phân số tối giản vì    b) chưa tối giản vì :  nên    **Mở rộng bài 2.49** **SGK trang 24** Thực hiện các phép tính sau :    b) . |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 3:**  - Hoạt động nhóm 4 làm bài tập 2.48 SGK trang 55 và bài tập 2.51 SGK trang 55.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 3:**  - HS thực hiện các yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ bài 2.51: tổng số học sinh xếp hàng 2 vừa đủ nghĩa là tổng số học sinh chia hết cho 2.  **\* Báo cáo, thảo luận 3:**  - GV yêu cầu đại diện 2 nhóm HS lên trình bày, lưu ý chọn cả bài tốt và chưa tốt.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 3:**  - GV khẳng định kết quả đúng, đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 3 : Một số bài toán thực tế**  **Bài tập 2.48 SGK trang 55**  Lời giải:  Vận động viên thứ nhất chạy hết 1 vòng quanh sân hết 360 giây.  Vận động viên thứ hai chạy hết 1 vòng quanh sân hết 420 giây.  Biết tốc độ di chuyển của họ không đổi.  Ta có:      Do đó sau 2520 giây hai vận động viên lại gặp nhau.  Hay:  phút thì hai vận động viên sẽ gặp lại nhau.  **Bài tập 2.51 SGK trang 55**  Gọi số học sinh lớp 6A là x ( học sinh). ĐK:  Nếu học sinh lớp 6A xếp hàng 2,3, 7 thì đều vừa đủ nên ta có:  hay  Vì  Suy ra  ( thỏa mãn ĐK)  Vậy lớp 6A có 42 học sinh. |
| **\* GV** **giao nhiệm vụ học tập 4:**  - Làm bài tập 2.52 SGK trang 59.  **\* HS thực hiện nhiệm vụ 4:**  - HS thực hiện yêu cầu trên.  - Hướng dẫn, hỗ trợ: vận dụng công thức:  **\* Báo cáo, thảo luận 4:**  - GV yêu cầu 1 HS lên bảng trình bày.  - Cả lớp quan sát và nhận xét.  **\* Kết luận, nhận định 4:**  - GV khẳng định kết quả đúng và đánh giá mức độ hoàn thành của HS. | **Dạng 4: Tìm hai số biết mối quan hệ giữa**  **và**  **Bài 2.52 SGK trang 59**  Lời giải:  Gọi số phải tìm là: a  Đặt  Theo bài ra ta có:    . Do đó  Lại có:    Mà    Vậy số phải tìm là: |

**2. Hoạt động 2: Vận dụng** (4 phút)

**a) Mục tiêu:** Vận dụng các kiến thức về ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất để giải quyết bài toán tìm hai số tự nhiên thỏa mãn điều kiện cho trước.

**b) Nội dung:**

**-** HS giải quyết bài tập sau: Tìm hai số tự nhiê  biết và

- Thực hiện nhiệm vụ cá nhân

**c) Sản phẩm:**

- Kết quả thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

**d) Tổ chức thực hiện:**

**⏩ Giao nhiệm vụ 1:**

- Tìm hai số tự nhiên a, b biết  và 

- Yêu cầu HS hoạt động cá nhân ở nhà bài tập trên.

- Hướng dẫn, hỗ trợ: GV giải đáp thắc mắc của HS để hiểu rõ nhiệm vụ.

**⏩ Giao nhiệm vụ 2 : Yêu cầu HS thực hiện cá nhân.**

- Xem lại các bài tập đã làm trong tiết học.

- Hệ thống lại các khái niệm, kí hiệu, quy tắc về ước chung, bội chung, ước chung lớn nhất, bội chung nhỏ nhất.

- Làm các bài tập còn lại trong SGK: bài tập 2.46, bài tập 2.50 trang 55.

- Chuẩn bị giờ sau: các em hãy ôn lại các kiến thức đã học trong chương 2 và chuẩn bị bài: Chương II: Chúng ta đã học những gì, SGK trang 56